

Số: 1589 /KH-SNN-QLCL

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

**VĂN BẢN ĐỀN**

Số:.....1891.....2016

Ngày 9.7.2016

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP và Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 23 tháng 6 năm 2016  
TỔ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NLS & TS

CV Số:.....346/.....  
**ĐỀN** Ngày:.....29/6/2016

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Xét đề nghị của Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản tại Tờ trình số 81/TTr-CCQLCL 23/5/2016, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành kế hoạch triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trong phạm vi quản lý của các đơn vị thuộc Sở trong năm 2016 và các năm tiếp theo như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.**

- Thực hiện tốt, có hiệu quả Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Tạo chuyển biến mạnh trong công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; ngăn chặn, xử lý dứt điểm việc sử dụng chất cấm (salbutamol, chất vàng ô...) và lạm dụng kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; giảm thiểu các vi phạm về tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh, chất bảo quản, phụ gia trong các sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và PTNT.

- Công tác quản lý an toàn thực phẩm phải được thực hiện thường xuyên, liên tục; quản lý an toàn thực phẩm phải thực hiện theo nguyên tắc: đảm bảo an toàn ở tất cả các công đoạn của quá trình sản xuất, kinh doanh, chế biến và tiêu dùng thực phẩm.

- Nâng cao kiến thức, ý thức thực hành của người sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm; chú trọng tuyên truyền, biểu dương, khuyến khích các tổ

chức, cá nhân, doanh nghiệp làm tốt vấn đề an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

## **II. NỘI DUNG.**

- Các đơn vị trực thuộc Sở chủ trì, phối hợp với các cơ quan truyền thông, các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về nội dung của Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch hành động Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp và các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt việc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất ban đầu nhỏ lẻ (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối) theo quy định tại Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đặc biệt là thanh tra, kiểm tra đột xuất; xử lý các hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật, công bố công khai kết quả thanh tra, xử lý vi phạm trên hệ thống thông tin đại chúng, website của ngành, đơn vị; giải quyết kịp thời các sự cố gây mất an toàn thực phẩm.

- Phát triển các vùng sản xuất nông sản an toàn, xây dựng chuỗi sản xuất, cung cấp nông sản, thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm, áp dụng các chương trình quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến (GAP, HACCP, GMP...).

Tăng cường xây dựng, giới thiệu và công bố các điểm, quầy hàng cung cấp nông sản, thủy sản sạch, được kiểm soát theo chuỗi đảm bảo an toàn thực phẩm tại các khu vực trọng điểm, đông dân cư.

- Phối hợp lực lượng công an, quản lý thị trường trong công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

- Lập đường dây nóng, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để tiếp thu, xử lý kịp thời phản ánh của quần chúng nhân dân đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về an toàn thực phẩm.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

### **1. Lĩnh vực thủy sản.**

Giao Chi cục Thủy sản tổ chức triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực thủy sản với các nội dung cụ thể sau:

1.1. Tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách, pháp luật.

1.1.1. Tập huấn hướng dẫn chủ tàu cá đảm bảo an toàn thực phẩm trong quá trình đánh bắt thủy sản.

Tổ chức các lớp tập huấn cho các chủ tàu cá có công suất trên 90CV về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trong quá trình đánh bắt thủy sản tại các xã phường ven biển thuộc các huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc, Thị xã

Cửa Lò và Hoàng Mai với các nội dung: Kiến thức chung về an toàn thực phẩm; các văn bản pháp luật, các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm trên tàu cá.

Số lượng dự kiến thực hiện năm 2016: 27 lớp, trong đó: Thị xã Cửa Lò, Nghi Lộc 02 lớp, Diễn Châu 03 lớp, Quỳnh Lưu: 10 lớp và Hoàng Mai: 05 lớp.

Thời gian thực hiện: Từ Quý III.

1.1.2. Tập huấn, tuyên truyền phổ biến các quy định của nhà nước trong nuôi trồng thủy sản.

Tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến các quy định của nhà nước về nuôi trồng thủy sản cho nông, ngư dân, cơ sở sản xuất kinh doanh giống, thức ăn, CPSH, sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản tại một số xã trọng điểm về nuôi trồng thủy sản tại địa bàn các huyện, thị Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc và TP. Vinh:

Số lượng dự kiến thực hiện năm 2016: 05 lớp

Thời gian thực hiện: Quý III

1.2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

1.2.1. Kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trên tàu cá có công suất > 90CV.

Phối hợp với Chi cục QLCL Nông Lâm sản và Thủy sản tổ chức kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm đối với tàu cá có công suất > 90 CV theo thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT tại các cửa lạch: Lạch Còn (Quỳnh Phương, Quỳnh Dị - Hoàng Mai), Lạch Quèn (Tiến Thủy, Quỳnh Thuận, An Hòa, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Long – Quỳnh Lưu), Lạch Thới (Sơn Hải, Quỳnh Ngọc – Quỳnh Lưu), Lạch Vạn (Diễn Ngọc, Diễn Bích – Diễn Châu), Lạch Lò (Nghi Hải, Nghi Thủy, Nghi Quang, Nghi Thiết) với tổng số tàu 1.326 tàu.

Thời gian thực hiện: thường xuyên trong năm.

1.2.2. Kiểm tra, quản lý thức ăn thủy sản, chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn thủy sản, chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản tại các địa bàn huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc, thị xã Hoàng Mai và TP. Vinh.

Thời gian thực hiện: Quý III, IV.

Bao gồm hai hoạt động:

+ Kiểm tra, xếp loại điều kiện cơ sở kinh doanh thức ăn, chế phẩm sinh học, chất xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

+ Kiểm tra chất lượng thức ăn, CPSH, sản phẩm xử lý môi trường.

1.2.3. Kiểm tra, quản lý công tác sản xuất giống thủy sản.

Giống là một trong những nhân tố quan trọng nhất để đảm bảo nuôi trồng thủy sản đạt năng suất, hiệu quả cao, việc kiểm tra công tác sản xuất giống cần được thực hiện thường xuyên trong năm.

Công tác kiểm tra các cơ sở sản xuất giống thủy sản được thực hiện tại các địa bàn trọng điểm về sản xuất giống thủy sản thuộc các huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc, thị xã Hoàng Mai và TP. Vinh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm.

Bao gồm hai hoạt động:

- + Kiểm tra điều kiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản.
- + Kiểm tra chất lượng giống thủy sản.

## **2. Lĩnh vực trồng trọt và BVTM.**

Giao Chỉ cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật với các nội dung cụ thể sau:

2.1. Tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách, pháp luật.

2.1.1. Điều tra nắm bắt thông tin:

Tổ chức điều tra 400 nông dân, 100 cán bộ về tình sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, trong đó có 60-70% số nông dân để đánh giá mức độ tiếp cận khoa học kỹ thuật về sản xuất rau cũng như thuốc bảo vệ thực vật, định hại và biện pháp phòng trừ.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm.

2.1.2. Tập huấn quy trình sử dụng thuốc BVTM:

Tập huấn nâng cao ý thức trách nhiệm về an toàn vệ sinh thực phẩm, biện pháp sử dụng thuốc BVTM theo nguyên tắc 4 đúng, các quy định, quy trình sản xuất rau an toàn theo hướng GAP cho người trực tiếp sản xuất...;

Số lượng dự kiến thực hiện năm 2016: 05 lớp tại các huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Đô Lương, Nam Đàn và thành phố Vinh.

Thời gian thực hiện: Quý III, IV.

2.1.3. Đẩy mạnh công tác truyền thông.

Xây dựng chương trình cảnh báo tác hại của việc sử dụng thuốc không an toàn, không tuân thủ quy trình, tác hại của tồn dư thuốc BVTM trên rau quả, một số biện pháp hạn chế tồn dư thuốc BVTM trên rau, củ, quả... để tuyên truyền trên phương tiện thông tin truyền hình, truyền thanh....

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm.

2.2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

### 2.2.1. Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra đột xuất việc buôn bán, sử dụng thuốc BVTV trên cây rau quả.

- Tổ chức kiểm tra đột xuất việc chấp hành pháp luật trong buôn bán, sử dụng thuốc BVTV đặc biệt tập trung các huyện trọng điểm sản xuất rau... Tổ chức cho 100% cơ sở kinh doanh ký cam kết chấp hành nghiêm những quy định của pháp luật trong kinh doanh, không bán thuốc ngoài danh mục, thuốc không rõ nguồn gốc, thuốc có nhãn bằng chữ nước ngoài, thuốc quá hạn sử dụng...

- Phối hợp với UBND các xã tăng tần suất kiểm tra việc sử dụng thuốc BVTV trên rau, quả trực tiếp nhắc nhở, làm cam kết với những hộ nông dân sử dụng thuốc BVTV đúng quy trình, có biện pháp nghiêm khắc đối với những hộ nông dân cố tình sai phạm, truy xuất nguồn gốc những cơ sở buôn bán, hướng dẫn sử dụng thuốc ngoài danh mục, không rõ nguồn gốc, không đảm bảo chất lượng, quá hạn sử dụng...

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm.

### 2.2.2. Kiểm soát, giám sát tồn dư thuốc BVTV trên sản phẩm cây trồng.

Tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát dư lượng thuốc BVTV trên rau, củ, quả. Thông qua kiểm tra tình hình phát sinh của sâu bệnh, tình hình sử dụng, các loại thuốc BVTV trên cây rau, qua các thời kỳ tổ chức lấy mẫu kiểm tra tồn dư thuốc BVTV trên rau quả tại 05 huyện trọng điểm: Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Đô Lương, Nam Đàn và thành phố Vinh.

Thời gian thực hiện: Quý III, IV

## 3. Lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

Giao Chi cục Chăn nuôi và Thú y tổ chức triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y với các nội dung cụ thể sau:

### 3.1. Tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách, pháp luật.

Tuyên truyền không kinh doanh, buôn bán chất cấm; hướng dẫn người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản không sử dụng hóa chất, kháng sinh cấm.

Tổ chức đặt in băng rôn khẩu hiệu tuyên truyền không kinh doanh, buôn bán chất cấm trong hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y.

Hướng dẫn người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản không sử dụng hóa chất, kháng sinh cấm; không lạm dụng thuốc thú y, chất cải tạo môi trường.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm.

### 3.2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

#### 3.2.1. Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y trong nuôi trồng thủy sản.

Tổ chức kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y trong nuôi trồng thủy sản tại hai huyện trọng tâm về nuôi trồng thủy sản (Quỳnh Lưu và Hoàng Mai). Dự kiến

năm 2016 lấy 120 mẫu thủy sản nuôi phân tích các chỉ tiêu về thú y, an toàn vệ sinh thực phẩm

### 3.2.2. Kiểm tra, quản lý thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi.

Tổ chức kiểm tra thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản và thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Trung bình mỗi tháng triển khai 01 cuộc (05 ngày/cuộc).

Lấy mẫu thức ăn chăn nuôi, phân tích bằng phương pháp sắc ký lỏng khói phô LC/MS/MS để kiểm tra, giám sát dư lượng các chất kháng sinh, hocmôn, chất kích thích cấm. Dự kiến năm 2016 lấy 20 mẫu thức ăn để kiểm tra.

Thời gian thực hiện: Quý III, IV

### 3.2.3. Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm đối với cơ sở chăn nuôi.

Tổ chức 03 cuộc kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm đối với cơ sở chăn nuôi tại 03 huyện trọng điểm về chăn nuôi.

Tổ chức lấy mẫu nước uống, thức ăn chăn nuôi được sử dụng tại cơ sở chăn nuôi để kiểm tra các chỉ tiêu vi sinh và giám định chất cấm bằng phương pháp Eliza có kiểm chứng bằng phương pháp sắc ký lỏng khói phô LC/MS/MS 10%. Dự kiến năm 2016 lấy tổng số 30 mẫu nước và thức ăn.

Thời gian thực hiện: Quý III, IV

### 3.2.4. Giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm tại các chợ và cơ sở giết mổ lợn.

Tổ chức lấy mẫu thịt lợn giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm tại 10 chợ và 10 cơ sở giết mổ ở 7 huyện thành thị trong tỉnh.

Số lượng mẫu dự kiến trong năm 2016 là 60 mẫu phân tích các chỉ tiêu vi sinh và chỉ tiêu hócmôn cấm (sallbutamol) tại bằng phương pháp Elisa có giám định 10% bằng phương pháp LC/MS/MS.

Thời gian thực hiện: Quý III, IV

## 4. Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

Giao Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản tổ chức triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm thủy sản với các nội dung cụ thể sau:

### 4.1. Nâng cao năng lực quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản.

#### 4.1.1. Bố trí trụ sở làm việc cho Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.

Đề nghị UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT bố trí cho Chi cục quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản được sử dụng toàn bộ trụ sở làm việc của Chi cục Lâm nghiệp (cũ) để làm trụ sở làm việc của đơn vị.

Thời gian thực hiện: Từ Quý II

#### **4.1.2. Xây dựng chức năng nhiệm vụ, triển khai thành lập các Trạm quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản liên huyện.**

Giao phòng Hành chính Tổng hợp phối hợp với các phòng chuyên môn lập kế hoạch, xây dựng chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động các Trạm Quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản liên huyện đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định thành lập.

Thời gian thực hiện: Từ quý III

#### **4.1.3. Đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ làm công tác quản lý an toàn thực phẩm của Chi cục.**

Cử cán bộ các phòng chuyên môn tham gia các lớp đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do các Cục chuyên ngành trung ương tổ chức.

Thời gian thực hiện: Quý III, IV

#### **4.1.4. Làm việc với UBND các huyện, thành, thị về công tác nâng cao năng lực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.**

- Phân công đầu mối quản lý công tác an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn; phối hợp chặt chẽ với Chi cục trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở theo đúng quy định của pháp luật.

- Điều tra tình trạng đảm bảo an toàn thực phẩm một số sản phẩm chủ yếu tại các vùng trọng điểm của tỉnh.

- Nâng cao năng lực quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản cho cấp huyện, xã.

- Hỗ trợ và kiểm tra UBND các huyện, thành, thị trong công tác triển khai thực hiện cam kết và kiểm tra, giám sát việc cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối) theo quy định tại Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm.

#### **4.2. Công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn, đào tạo kiến thức an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở, người lao động trực tiếp.**

##### **4.2.1. Công tác đào tạo, tập huấn.**

Tổ chức đào tạo, tập huấn, trang bị kiến thức về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, chuyên môn nghiệp vụ cho các đối tượng:

- Cán bộ làm công tác quản lý các cấp;
- Chủ doanh nghiệp, công nhân lao động trực tiếp và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.

Thời gian thực hiện: Từ Quý II

#### **4.2.2. Tuyên truyền, phổ biến Bộ luật hình sự mới (2015) và nghị định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATTP.**

Tuyên truyền, tập huấn, phổ biến cho người sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản biết về xử phạt hành chính và truy tố trách nhiệm hình sự đối với vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm quy định tại Bộ Luật hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015 Quốc hội khóa XIII; Nghị định số 178/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

Thời gian thực hiện: Từ Quý III

#### **4.2.3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ATTP thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pano, áp phích; đăng tải trên trang thông tin điện tử của Chi cục; xây dựng phong sự về ATTP.**

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm

#### **4.3. Công tác thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản.**

Tổ chức thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp số liệu thống kê các cơ sở, xây dựng bộ dữ liệu quản lý chung của tỉnh về công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm

#### **4.4. Thực hiện Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014.**

##### **4.4.1. Tổ chức công khai kết quả phân loại A/B/C.**

- Tổ chức công khai kết quả phân loại A/B/C trên cơ sở dữ liệu Trang thông tin điện tử của Chi cục và các phương tiện thông tin đại chúng.

- Gắn biển nhận diện loại A/B tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đạt yêu cầu.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác đánh giá, xếp loại năm 2016 (có mời đại diện cơ quan truyền thông) và trao biển mica kết quả xếp loại cho chủ cơ sở sản xuất kinh doanh để tự gắn tại cơ sở (Dự kiến tổ chức vào Quý IV).

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm

##### **4.4.2. Tổ chức kiểm tra, xếp loại và cấp giấy chứng nhận điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản:**

Tổ chức hoặc chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng có liên quan kiểm tra, xếp loại và cấp giấy chứng nhận điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT đối với:

- Các tổ chức, cá nhân chăn nuôi, giết mổ động vật (phối hợp với Chi cục Chăn nuôi và Thú y);

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản và muối;

- Tàu cá có công suất từ 90CV trở lên (phối hợp với Chi cục Thủy sản).

Tập trung kiểm tra đối với các cơ sở xếp loại C.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm

4.5. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

4.5.1. Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra.

- Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, chuyên đề, đột xuất đối với cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản theo quy định. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân có các hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

- Thiết lập đường dây nóng để tiếp thu, xử lý các phản ánh kiến nghị của nhân dân trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm

4.5.2. Tổ chức giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản:

- Tổ chức giám sát; lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm đối với: Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; chế biến nông lâm thủy sản và muối. Tập trung các sản phẩm có nguy cơ cao về an toàn thực phẩm như: Rau, củ, quả, thủy sản nuôi, thịt gia súc, gia cầm và gạo.

- Đánh giá, cảnh báo nguy cơ và truy xuất nguồn gốc, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm.

4.6. Xây dựng mô hình và phát triển chuỗi đảm bảo VSATTP.

4.6.1. Xây dựng các mô hình sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong sản xuất, chế biến như: VietGAP, HACCP, ISO...

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm

4.6.2. Xây dựng và phát triển 03 chuỗi sản phẩm nông lâm thủy sản đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm rau, củ, quả; thịt gà, trứng gà (đã trình xây dựng ở kế hoạch khác).

Xác nhận an toàn đối với sản phẩm tham gia chuỗi và cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh công tác giới thiệu các điểm bán sản phẩm an toàn có xác nhận đảm bảo an toàn thực phẩm.

Thời gian thực hiện: Từ Quý II

4.6.3. Kết nối các nhà sản xuất, kinh doanh với tiêu dùng thực phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm:

- Cung cấp thông tin về các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản đã được kiểm tra, cấp giấy chứng nhận ATTP và cơ sở đã áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến (VietGAP, HACCP...)

- Tổ chức hội nghị xúc tiến thương mại, kết nối giữa các nhà sản xuất, kinh doanh với tiêu dùng sản phẩm nông lâm thủy sản, tạo kênh phân phối sản phẩm thực phẩm an toàn.

- Tổ chức cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong tỉnh tham gia các hội chợ trong và ngoài tỉnh.

Thời gian thực hiện: Quý III, IV

4.6.4. Thiết lập, nhân rộng các chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn kết hợp với kiểm tra, lấy mẫu giám sát, xác nhận sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

4.7. Công tác đôn đốc, kiểm tra thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1512/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Nghệ An tham mưu Sở xây dựng lịch, kế hoạch cụ thể để đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị và địa phương trong việc thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch hành động đã được UBND tỉnh giao nhiệm vụ tại Quyết định số 1512/QĐ-UBND.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm.

4.8. Tổ chức hội nghị tổng kết thực hiện Kế hoạch hành động Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thành phần mời: các cơ quan ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, phòng Nông nghiệp và PTNT/phòng Kinh tế;

Các đơn vị sản xuất kinh doanh;

Số lượng: Khoảng 80 người/ tổ chức tại TP. Vinh.

Thời gian thực hiện: Quý IV

#### **IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.**

Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và năm, các đơn vị lập báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch gửi về Sở (trước ngày 10 hàng tháng).

Giao Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản tham mưu Sở tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Ban chỉ đạo liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

#### **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN.**

1. Để thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 1512/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng dự toán triển khai năm 2016, cụ thể như sau:

Tổng kinh phí các đơn vị triển khai kế hoạch: **2.724.550.000 đồng** (*Hai tỷ bảy trăm hai mươi bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kinh phí ngân sách đã cấp cho đơn vị thuộc Sở năm 2016 là: **654.200.000đ** (*Sáu trăm năm mươi tư triệu hai trăm ngàn đồng chẵn*);

Kinh phí đề nghị cấp bổ sung đợt này: **2.070.350.000đ** (*Hai tỷ không trăm bảy mươi triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*).

Trong đó kinh phí đề nghị cấp bổ sung phân khai cho các đơn vị như sau:

- |  |               |
|--|---------------|
| - Chi cục Thủy sản:                                    | 621.460.000đ; |
| - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:               | 211.000.000đ; |
| - Chi cục Chăn nuôi và Thú y:                          | 294.420.000đ; |
| - Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản: | 943.470.000đ; |

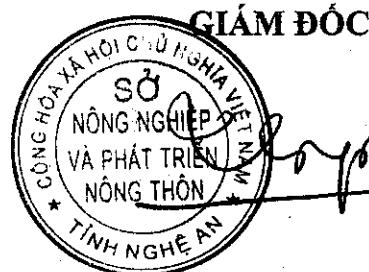
*(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).*

2. Giao phòng Kế hoạch – Tài chính thẩm định trình phân bổ kinh phí hàng năm cho các Chi cục thuộc Sở để thực hiện kế hoạch trên của Sở Nông nghiệp và PTNT.

Trên đây là Kế hoạch chi tiết thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 09/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 1512/QĐ-UBND ngày 08/4/2016 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch hành động Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/cáo);
- UBND tỉnh Nghệ An (để trình);
- Sở Tài chính;
- PGĐ Sở phụ trách (để biết và chỉ đạo);
- Các chi cục: Thủy sản, Trồng trọt và BVTM, Chăn nuôi và Thú y, QLCL Nông Lâm sản và Thủy sản (để thực hiện);
- UBND các huyện (để phối hợp)
- Lưu VT.



**Hồ Ngọc Sỹ**

UBND TỈNH NGHỆ AN  
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Phụ lục:

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN  
CHỈ THI SỐ 13/CP-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ QUYẾT ĐỊNH 1512/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH NGHỆ AN  
(Kèm theo Kế hoạch số 158t/KH-SNN ngày 3/6/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT Nghệ An)**

Số TT	Hoạt động	ĐVT	Số lượng	Kinh phí	Kinh phí đã cấp	Kinh phí bồi bổ	Đơn vị thực hiện
1	Nâng cao năng lực quản lý chất lượng, ATTPP nông lâm thủy sản			125.270.000	59.500.000	65.770.000	
1	Nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho CB, CC của chi cục QLCL	chuyên	10	78.000.000	59.500.000	18.500.000	Chi cục QLCL NLS&TS
2	Làm việc với UBND các huyện, thành, thị về công tác nâng cao năng lực quản lý chất lượng ATTPP nông lâm thủy sản	chuyên	7	35.070.000	-	35.070.000	Chi cục QLCL NLS&TS
3	Hội nghị tổng kết thực hiện Kế hoạch Năm cao điểm vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.	cuộc	1	12.200.000	-	12.200.000	Chi cục QLCL NLS&TS
<b>II Công tác, phổ biến cơ chế, chính sách, pháp luật</b>				<b>970.420.000</b>	<b>257.500.000</b>	<b>712.920.000</b>	
1	Đào tạo tập huấn kiến thức ATTP	lớp	10	350.000.000	133.200.000	216.800.000	Chi cục QLCL NLS&TS
2	Tuyên truyền, phổ biến Bộ luật hình sự mới (2015) và Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATTP	lớp	2	64.700.000	-	64.700.000	Chi cục QLCL NLS&TS
3	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ATTP thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pano, áp phích; đăng tải trên trang thông tin điện tử của chi cục; xây dựng phòng sự kiện ATTP.			107.300.000	107.300.000	-	Chi cục QLCL NLS&TS

STT	Hoạt động	ĐVT	Số lượng	Kinh phí	Kinh phí cấp	Đề nghị bổ sung	Đơn vị thực hiện
4	Tập huấn hướng dẫn chủ tàu cá đánh bắt thủy sản trong quá trình đánh bắt thủy sản, tại huyện Nghi Lộc, tx. Cửa Lò	lớp	2	19.260.000	-	19.260.000	Chi cục Thủy sản
5	Tập huấn hướng dẫn chủ tàu cá đánh bắt thủy sản trong quá trình đánh bắt thủy sản, tại huyện Diễn Châu	lớp	3	36.660.000	-	36.660.000	Chi cục Thủy sản
6	Tập huấn hướng dẫn chủ tàu cá đánh bắt thủy sản trong quá trình đánh bắt thủy sản, tại huyện Quỳnh Lưu	lớp	10	122.800.000	-	122.800.000	Chi cục Thủy sản
7	Tập huấn hướng dẫn chủ tàu cá đánh bắt thủy sản trong quá trình đánh bắt thủy sản, tại tx. Hoàng Mai	lớp	5	61.700.000	-	61.700.000	Chi cục Thủy sản
8	Tập huấn, phổ biến các quy định của nhà nước về NTTS cho nông, ngư dân	lớp	5	46.000.000	17.000.000	29.000.000	Chi cục Thủy sản
9	Thông kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	chuyển	24	24.000.000	-	24.000.000	Chi cục QLCL NLS&TS
10	Công khai kết quả phân loại A/B/C			71.800.000	-	71.800.000	Chi cục QLCL NLS&TS
11	Hỗ trợ tập huấn cho nông dân	lớp	5	57.000.000	-	57.000.000	Chi cục Trồng trọt và BVTV
12	Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về thú y: In băng rôn tuyên truyền không kinh doanh, buôn bán chất cấm trong kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thủy sản	băng rôn	23	9.200.000	-	9.200.000	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Hoạt động	ĐVT	Số lượng	Kinh phí	Kinh phí đã cấp	Đề nghị bổ sung	Đơn vị thực hiện
III	<b>Giám sát, kiểm tra, thanh tra</b>			<b>1.628.860.000</b>	<b>337.200.000</b>	<b>1.291.660.000</b>	
1.	Kiểm tra, xếp loại và cấp giấy chứng nhận diêu kiện đảm bảo ATTP nông lâm thủy sản	chuyên	40	140.800.000	80.000.000	60.800.000	Chi cục QLCL NLS&TS
2	Công tác thanh tra, kiểm tra	cuộc	15	63.900.000	60.000.000	3.900.000	Chi cục QLCL NLS&TS
3	Công đi lấy mẫu giám sát	chuyên	15	19.200.000	-	19.200.000	Chi cục QLCL NLS&TS
4	Phân tích mẫu	mẫu	250	416.500.000	-	416.500.000	Chi cục QLCL NLS&TS
5	Kiểm tra điều kiện đảm bảo ATTP trên tàu cá có công suất > 90 CV theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.			195.060.000	40.000.000	155.060.000	Chi cục Thủy sản
6	Kiểm tra chất lượng thức ăn, CPSH, sản phẩm xử lý môi trường			144.000.000	50.000.000	94.000.000	Chi cục Thủy sản
7	Kinh phí Quản lý giống nuôi trồng thủy sản			145.180.000	42.200.000	102.980.000	Chi cục Thủy sản
8	Kinh phí kiểm tra sử dụng thuốc	chuyên	35	154.000.000	-	154.000.000	Chi cục Trồng trọt và BVTV
9	Kiểm tra vệ sinh thú y trong nuôi trồng thủy sản			84.160.000	-	84.160.000	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
10	Kiểm tra thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi			99.420.000	-	99.420.000	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
11	Giám sát an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đông vật tai cho và cơ sở giết mổ			46.190.000	-	46.190.000	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
12	Kít thử nước tiêu lợn nhầm phái hiện đường salbutamol	bộ	200	50.000.000	-	50.000.000	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
13	Chi phí văn phòng phẩm, in ấn phục vụ công tác thanh tra, chi khác			5.450.000	-	5.450.000	Chi cục Chăn nuôi và Thú y

STT	Hoạt động	DVT	Số lượng	Kinh phí	Kinh phí đã cấp	Đề nghị bổ sung	Đơn vị thực hiện
15	Xử lý kiểm tra, đánh giá, phân loại cừ sò giết mổ gia súc, gia cầm	đợt	2	65.000.000	65.000.000	-	Chi cục Chăn nuôi và Thú Y
IV	Xây dựng mô hình và phát triển chuỗi đảm bảo VSATTP			-	-	-	Chi cục QLCL NLS&TS -đã trình kinh phí để thực hiện ở kế hoạch khác.
	<b>Tổng</b>			<b>2.724.550.000</b>	<b>654.200.000</b>	<b>2.070.350.000</b>	

Tổng kinh phí (Bảng chữ): *Hai tỷ bảy trăm hai mươi bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*,  
Kinh phí ngân sách đã cấp: *Sáu trăm năm năm tám triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*  
Kinh phí đề nghị bổ sung: *Hai tỷ không trăm bảy mươi triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NGHỆ AN *[ký]*